

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo quyết định số: 1621/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 19 tháng 7 năm 2013
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải)*

Tên chương trình: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông**
(Telecommunication - Electronics Engineering Technology)
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông**
Mã ngành: **52510302**
Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Đại học Chính quy Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông nhằm trang bị cho người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, chuyên môn toàn diện; năng lực thực hành nghề nghiệp cơ bản; năng lực tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng nhanh với những tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông; có đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức được đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng - An ninh, rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Có kiến thức khoa học cơ bản và cơ sở cần thiết để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Có kiến thức chuyên môn toàn diện để thiết kế, khai thác, sử dụng, đánh giá các hệ thống điện tử viễn thông trong lĩnh vực giao thông vận tải và các ngành kinh tế quốc dân;

- Có năng lực nghiên cứu, phân tích, đánh giá tổng hợp để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực chuyên ngành.

1.2.2. Kỹ năng

- Thiết kế, vận hành, bảo trì, sửa chữa các hệ thống, thiết bị điện tử viễn thông trong lĩnh vực giao thông vận tải và các ngành kinh tế quốc dân khác;

- Kiểm tra, phân tích, đánh giá được hệ thống thiết bị điện tử viễn thông;

- Sử dụng thiết bị để kiểm tra, phân tích kết quả, đánh giá hiệu suất và xác định sự cần thiết điều chỉnh quá trình làm việc của thiết bị điện tử, viễn thông;

- Lập quy trình công nghệ sản xuất, sửa chữa, thay thế hệ thống điện tử viễn thông phù hợp với yêu cầu thực tiễn;

- Có phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp, có khả năng thuyết trình, giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, tiếp cận được với môi trường quốc tế trong lĩnh vực điện tử viễn thông.

1.2.3. Thái độ

- Ý thức được tầm quan trọng của lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông trong phát triển kinh tế xã hội, từ đó hình thành các giá trị đạo đức nghề nghiệp; ý thức tôn trọng và làm việc theo pháp luật;

- Ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với phát triển kinh tế- xã hội; xây dựng nền Quốc phòng toàn dân; rèn luyện thể lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ tổ quốc;

- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, trau dồi kiến thức, khả năng ngoại ngữ, để tự học suốt đời.

1.2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị khai thác, bảo trì, phát triển, cài đặt hệ thống thông tin và hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong các cơ quan, doanh nghiệp; giảng dạy tại các trường cao đẳng, TCCN, dạy nghề...

1.2.5. Trình độ ngoại ngữ

Có trình độ tiếng Anh tương đương 400 điểm TOEIC

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 149 tín chỉ, hai học phần bắt buộc là Giáo dục thể chất (5 đvht) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC) sẽ được cấp chứng chỉ riêng.

Lượng tín chỉ phân bổ cho các khối kiến thức được trình bày trong bảng sau:

STT	KHỐI KIẾN THỨC	BẮT BUỘC	TỰ CHỌN	TỔNG
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	42	4	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	97	6	103
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	46	2	48
2.2	Kiến thức ngành	30	4	34
2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp	9		9
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Đồ án tốt nghiệp	8		8
	Tổng cộng	139	10	149

4. Đối tượng đào tạo

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

5. Điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp

* Điều kiện nhập học: Theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

* Điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục - Đào tạo).

6. Thang điểm

* Thang điểm 10: được sử dụng cho các điểm thành phần của một học phần. Các bảng ghi điểm thành phần (điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ, điểm bài thí nghiệm ...) sử dụng thang điểm 10.

* Thang điểm 4: là thang điểm chính thức, trong đó điểm chữ (A, B+, B, C+, C, D+, D, F) được sử dụng cho điểm tổng kết học phần quy đổi từ thang điểm 10, điểm số (4-0) được sử dụng cho tính điểm trung bình học kỳ và điểm trung bình tích lũy.

Điểm tốt nghiệp là điểm trung bình chung tích lũy các học phần (trừ 02 học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh cấp chứng chỉ).

7. Nội dung chương trình

7.1. Tên và khối lượng các học phần

7.1.1. Kiến thức Giáo dục đại cương: Tổng số 46 TC

Bao gồm 42 TC các học phần bắt buộc (không kể Giáo dục thể chất 5 đvht, Giáo dục Quốc phòng - An ninh 8 TC) và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		42 TC
7.1.1.1	Lý luận chính trị		12 TC
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2
7.1.1.2	Ngoại ngữ		8 TC
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4
7.1.1.3	Toán, khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ, môi trường		22 TC
8	Toán 1	DC1CB11	4
9	Toán 2	DC1CB12	3
10	Toán 3	DC1CB13	4
11	Vật lý đại cương 1	DC1CB21	4
12	Vật lý đại cương 2	DC1CB22	2
13	Tin học đại cương	DC1TT42	3

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
14	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2
7.1.1.4	Giáo dục thể chất (cấp chứng chỉ riêng)		5 đvht
15	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht
16	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht
17	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht
18	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht
19	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht
7.1.1.5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (cấp chứng chỉ riêng)		8 TC
20	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3 TC
21	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2 TC
22	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3 TC
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Kỹ thuật điện	DC1TH47	2
2	Matlab và ứng dụng	DC1TH48	2
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2

7.1.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp: Tổng số 103 TC

7.1.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: Tổng số 48 TC

Bao gồm 46 TC các học phần bắt buộc và 2 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		46 TC
1	Ngôn ngữ lập trình C	DC2TT23	3
2	Lập trình hướng đối tượng C++	DC2TT35	3
3	Linh kiện điện tử	DC2DT41	3
4	Lý thuyết mạch	DC2DT42	3
5	Lý thuyết truyền tin	DC2DT43	3
6	Cơ sở kỹ thuật đo lường	DC2DT44	2
7	Trường điện từ	DC2DT46	3
8	Điện tử số	DC2DT51	3
9	Đồ án Điện tử số	DC2DT52	2
10	Điện tử tương tự	DC2DT53	4
11	Đồ án Điện tử tương tự	DC2DT54	2
12	Cơ sở điều khiển tự động	DC2DT45	3
13	Anten và truyền sóng	DC2DT55	3
14	Tín hiệu và hệ thống	DC2DT56	2
15	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	DC2DT62	4
16	Xử lý tín hiệu số	DC2DT64	3

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần tự chọn		2 / 4 TC
1	Kiến trúc máy tính	DC2DT57	2
2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng	DC2TH38	2

7.1.2.2. Kiến thức ngành: Tổng số 34 TC

Bao gồm 30 TC các học phần bắt buộc và 4 TC các học phần tự chọn sau:

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
	* Học phần bắt buộc		30 TC
1	Tiếng Anh 3	DC3DT33	3
2	Thông tin số	DC3DT71	3
3	Thông tin vô tuyến	DC3DT72	3
4	An ninh mạng thông tin	DC3DT64	3
5	Hệ thống viễn thông	DC3DT63	3
6	Cơ sở truyền số liệu	DC3DT60	3
7	Mạng viễn thông	DC3DT61	4
8	Đồ án Mạng viễn thông	DC3DT62	2
9	Thông tin di động	DC3DT73	3
10	Thông tin quang	DC3DT74	3
	* Học phần tự chọn		4 / 8 TC
1	Công nghệ Multimedia	DC3DT81	2
2	Công nghệ vi điện tử	DC3DT82	2
3	Hệ thống nhúng	DC3DT83	2
4	Giao tiếp máy tính và thu nhận dữ liệu	DC3DT84	2

7.1.2.3. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp (21 TC bắt buộc):

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HP	SỐ TC
7.1.2.3.1	Thực hành, thực tập nghề nghiệp		9 TC
1	Thực tập Điện tử cơ bản	DC4DT21	3
2	Thực tập Lắp ráp điện tử	DC4DT22	3
3	Thực tập Điện tử viễn thông	DC4DT23	3
7.1.2.3.2	Thực tập tốt nghiệp		4 TC
4	Thực tập tốt nghiệp	DC4DT70	4
7.1.2.3.3	Đồ án tốt nghiệp		8 TC
5	Đồ án tốt nghiệp	DC4DT80	8

7.2. Khung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
I	Kiến thức giáo dục đại cương		46				
	* Học phần bắt buộc		42				
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	DC1LL01	2	21	18		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	DC1LL02	3	30	30		DC1LL01
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	DC1LL03	2	21	18		DC1LL02
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	DC1LL04	3	30	30		DC1LL03
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	DC1LL05	2	30			
6	Tiếng Anh 1	DC1CB31	4	45	30		
7	Tiếng Anh 2	DC1CB32	4	45	30		DC1CB31
8	Toán 1	DC1CB11	4	60			
9	Toán 2	DC1CB12	3	45			
10	Toán 3	DC1CB13	4	60			DC1CB12
11	Vật lý đại cương 1	DC1CB21	4	45	30		
12	Vật lý đại cương 2	DC1CB22	2	30			DC1CB21
13	Tin học đại cương	DC1TT42	3	30	30		
14	Lý thuyết xác suất - thống kê	DC1CB20	2	30			
15	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	DC1TD01	1 đvht	8	22		
16	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	DC1TD02	1 đvht	8	22		
17	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	DC1TD03	1 đvht	8	22		
18	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	DC1TD04	1 đvht	3	27		
19	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	DC1TD05	1 đvht	3	27		
20	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	DC1QP01	3	45			DC1LL04
21	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	DC1QP02	2	30			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
22	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	DC1QP03	3	15	60		
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Kỹ thuật điện	DC1TH47	2	30			
2	Matlab và ứng dụng	DC1TH48	2	30			
3	Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	DC1CB91	2	30			
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	DC1CB99	2	30			
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		103				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		48				
	* Học phần bắt buộc		46				
1	Ngôn ngữ lập trình C	DC2TT23	3	30	30		
2	Lập trình hướng đối tượng C++	DC2TT35	3	30	30		DC2TT23
3	Linh kiện điện tử	DC2DT41	3	30	30		DC1CB22
4	Lý thuyết mạch	DC2DT42	3	30	30		DC1CB22
5	Lý thuyết truyền tin	DC2DT43	3	45			
6	Cơ sở kỹ thuật đo lường	DC2DT44	2	15	30		
7	Trường điện từ	DC2DT46	3	45			DC1CB22
8	Điện tử số	DC2DT51	3	30	30		
9	Đồ án Điện tử số	DC2DT52	2			90	DC2DT51
10	Điện tử tương tự	DC2DT53	4	45	30		
11	Đồ án Điện tử tương tự	DC2DT54	2			90	
12	Cơ sở điều khiển tự động	DC2DT45	3	45			DC1CB12
13	Anten và truyền sóng	DC2DT55	3	45			DC1CB22
14	Tín hiệu và hệ thống	DC2DT56	2	30			DC1CB12
15	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	DC2DT62	4	45	30		DC2DT51
16	Xử lý tín hiệu số	DC2DT64	3	45			DC1CB13
	* Học phần tự chọn		2/4				
1	Kiến trúc máy tính	DC2DT57	2	30			
2	Kỹ thuật phần mềm ứng dụng	DC2TH38	2	30			

STT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	PHÂN BỐ THỜI GIAN			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT
				Lý thuyết, bài tập trên lớp	Thảo luận, thực hành, thí nghiệm	Thực tập, đồ án, bài tập lớn	
II.2	Kiến thức ngành		34				
	* Học phần bắt buộc		30				
1	Tiếng Anh 3	DC3DT33	3	30	30		DC1CB32
2	Thông tin số	DC3DT71	3	45			DC2DT43
3	Thông tin vô tuyến	DC3DT72	3	45			DC2DT55
4	An ninh mạng thông tin	DC3DT64	3	45			
5	Hệ thống viễn thông	DC3DT63	3	45			
6	Cơ sở truyền số liệu	DC3DT60	3	45			DC3DT71
7	Mạng viễn thông	DC3DT61	4	60			
8	Đồ án Mạng viễn thông	DC3DT62	2			90	DC3DT61
9	Thông tin di động	DC3DT73	3	45			DC2DT55
10	Thông tin quang	DC3DT74	3	45			DC2DT41
	* Học phần tự chọn		4/8				
1	Công nghệ Multimedia	DC3DT81	2	30			
2	Công nghệ vi điện tử	DC3DT82	2	30			DC2DT41
3	Hệ thống nhúng	DC3DT83	2	30			
4	Giao tiếp máy tính và thu nhận dữ liệu	DC3DT84	2	30			
II.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp		21				
1	Thực tập Điện tử cơ bản	DC4DT21	3			135	DC2DT44
2	Thực tập Lắp ráp điện tử	DC4DT22	3			90	DC2DT44
3	Thực tập Điện tử viễn thông	DC4DT23	3			135	DC3DT73
4	Thực tập tốt nghiệp	DC4DT70	4			180	
5	Đồ án tốt nghiệp	DC4DT80	8			480	DC4DT70
	Tổng cộng		149				

8. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
8.1	Kiến thức giáo dục đại cương	46								
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2							

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3		3						
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2			
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3						3		
5	Pháp luật Việt Nam đại cương	2						2		
6	Tiếng Anh 1	4	4							
7	Tiếng Anh 2	4				4				
8	Toán 1	4	4							
9	Toán 2	3		3						
10	Toán 3	4			4					
11	Vật lý đại cương 1	4	4							
12	Vật lý đại cương 2	2		2						
13	Tin học đại cương	3	3							
14	Lý thuyết xác suất - thống kê	2				2				
15	GDTC 1: Thể dục tay không, thể dục dụng cụ	1 đvht	1							
16	GDTC 2: Điền kinh 1 (Nhảy xa, chạy trung bình)	1 đvht		1						
17	GDTC 3: Điền kinh 2 (Chạy cự ly ngắn, đẩy tạ)	1 đvht			1					
18	GDTC 4: Kỹ thuật bóng chuyền	1 đvht				1				
19	GDTC 5: Kỹ thuật cầu lông	1 đvht					1			
20	GDQP 1: Đường lối quân sự của Đảng	3			3					
21	GDQP 2: Công tác Quốc phòng - An ninh	2			2					
22	GDQP 3: Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3				3				
23	Tự chọn 1	2			2					
24	Tự chọn 2	2					2			
8.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	103								
8.2.1	Kiến thức cơ sở ngành	48								
25	Ngôn ngữ lập trình C	3		3						
26	Lập trình hướng đối tượng C++	3					3			
27	Linh kiện điện tử	3			3					
28	Lý thuyết mạch	3			3					
29	Lý thuyết truyền tin	3		3						
30	Cơ sở kỹ thuật đo lường	2			2					
31	Trường điện từ	3				3				
32	Điện tử số	3					3			
33	Đồ án Điện tử số	2					2			
34	Điện tử tương tự	4				4				
35	Đồ án Điện tử tương tự	2				2				

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ								
			I	II	III	IV	V	VI	VII	IX	
36	Cơ sở điều khiển tự động	3		3							
37	Anten và truyền sóng	3			3						
38	Tín hiệu và hệ thống	2		2							
39	Kỹ thuật vi xử lý và ứng dụng	4						4			
40	Xử lý tín hiệu số	3						3			
41	Tự chọn 3	2				2					
8.2.2	Kiến thức ngành	34									
42	Tiếng Anh 3	3						3			
43	Thông tin số	3						3			
44	Thông tin vô tuyến	3						3			
45	An ninh mạng thông tin	3					3				
46	Hệ thống viễn thông	3							3		
47	Cơ sở truyền số liệu	3					3				
48	Mạng viễn thông	4							4		
49	Đồ án Mạng viễn thông	2							2		
50	Thông tin di động	3							3		
51	Thông tin quang	3							3		
52	Tự chọn 4	2					2				
53	Tự chọn 5	2							2		
8.2.3	Thực hành, thực tập nghề nghiệp; thực tập và đồ án tốt nghiệp	21									
54	Thực tập Điện tử cơ bản	3			3						
55	Thực tập Lắp ráp điện tử	3				3					
56	Thực tập Điện tử viễn thông	3							3		
57	Thực tập tốt nghiệp	4								4	
58	Đồ án tốt nghiệp	8								8	
	Tổng cộng	149	17	19	20	20	20	21	20	12	

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo Đại học Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông thuộc ngành đào tạo Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông

- Danh mục và khối lượng các học phần đưa ra tại mục 7 gồm 2 phần:

+ Những học phần bắt buộc sinh viên phải tích lũy;
 + Những học phần tự chọn sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của nhà trường phù hợp với ngành đào tạo để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình;

- Mỗi học phần được liệt kê ở bảng danh mục các học phần trong chương trình đào tạo (mục 7) đều phải có đề cương chi tiết học phần (kể cả các học phần tự chọn); phòng Đào tạo phối hợp với các khoa liên quan triển khai xây dựng đề cương chi tiết học phần (theo mẫu chung của Trường) trình Hiệu trưởng ký duyệt trước khi tổ chức giảng dạy.

- Trong đề cương chi tiết học phần cần nêu rõ những nội dung trọng tâm phải kiểm tra và những sách, giáo trình, tài liệu học tập và tham khảo (nêu rõ tên tài liệu, tác giả và năm xuất bản); để sinh viên có thể tự học được, cần chỉ rõ để học chương này cần phải đọc những sách, tài liệu nào, ở đâu.

- Tổ chức giảng dạy học phần, cách đánh giá kết quả học phần thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007; Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Trường.

- Chương trình đào tạo thiết kế cho 8 học kỳ chính. Ngoài 8 học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm các học kỳ phụ vào thời gian hè để sinh viên có điều kiện học lại; học bù hoặc học vượt.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng trong mục 8 chỉ có tính chất định hướng (dự kiến) để sinh viên đăng ký khối lượng học tập, giảng viên cố vấn học tập cho sinh viên. Căn cứ vào khối lượng học tập sinh viên đăng ký theo từng học phần, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa/Bộ môn biên chế lớp học trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hàng kỳ, căn cứ tình hình thực tế và khối lượng của các học phần, phòng Đào tạo và các khoa cần điều chỉnh cho phù hợp.

Trong quá trình thực hiện chương trình, Khoa/Bộ môn thấy cần điều chỉnh cho phù hợp với thực tế, báo cáo lên Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường trình Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

TS. ĐỖ NGỌC VIỆN